| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số 21/2022/KDTM-PT
Ngày 28-7-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hoá

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
---
# TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Trung

Ông Vũ Việt Dũng

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng***: Bà Đặng Ngọc Hoài Linh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28-7-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2022/TLPT-KDTM ngày 24-02-2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá";

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2022/KDTM-ST ngày 13-01-2022 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 40/2022/QĐ-PT ngày 22-4-2022; Quyết định hoãn phiên toà phúc thẩm số 66/2022/QĐ-PT ngày 19-5-2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* **Công ty TNHH S**; Địa chỉ: Số 19 Đường A, phường P, quận B, thành phố Hồ Chí Minh;

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Trần Minh T2; Chức vụ: Chủ tịch HĐTV kiêm Giám đốc; có mặt.

*Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Phan Thanh T3, sinh năm: 1998; Địa chỉ: Số 602/51E đường C, phường D, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; theo Văn bản uỷ quyền ngày 19/01/2021 của Giám đốc Công ty; vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Bà Võ Thị Xuân Chi, luật sư Công ty Luật TNHH Khánh An Phát; Địa chỉ: Số 602/51E đường C, phường D, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

*2. Bị đơn:* **Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn kiến trúc T**; Địa chỉ: Số 18 Đường E, phường O, quận L, thành phố Đà Nẵng; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quốc T4 - Chức vụ: Giám đốc.

*Người đại diện theo uỷ quyền:* Bà Võ Thị Tố N; sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 18 Đường E, phường O, quận L, thành phố Đà Nẵng; theo Giấy uỷ quyền ngày 17-5-2022 của Giám đốc Công ty; có mặt.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Nguyễn Văn T5**; sinh năm 1971; Địa chỉ: 3/6C, KP2, P. B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ hiện nay: 86 tổ 16 Khối phố 2, phường Đ, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; có mặt.

- Ông **Đoàn Xuân P**, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Thôn O, xã X, thị xã C, tỉnh Phú Yên; địa chỉ hiện nay: 13/92 Khối phố 13, phường I, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; có mặt.

- Bà **Trần Thị Hồng T6**, sinh năm: 1980; Địa chỉ: 47 đường 14, KP V, phường B, quận G, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

- Bà **Lê Nữ Hồng T7**, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Số 19 Đường A, phường P, quận G, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

- Ông **Nguyễn Minh N**, sinh năm: 1967; Địa chỉ: Tổ 40, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

*4. Người kháng cáo:* Nguyên đơn - Công ty TNHH S và Bị đơn - Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn kiến trúc T.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Công ty TNHH S trình bày tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án:***

Từ tháng 04-2019 đến hết tháng 08-2019, Công ty TNHH S (sau đây gọi tắt là Công ty S) thực hiện việc bán hàng hóa là sơn các loại cho Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn kiến trúc T (sau đây gọi tắt là Công ty T), theo Hợp đồng mua bán hàng hóa và các bảng kê mua hàng. Theo đó, Công ty S đã xuất các hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty T, cụ thể như sau:

Hóa đơn GTGT số 0000001 ngày 29-4-2019, tổng tiền thanh toán: 21.452.290đ;

Hóa đơn GTGT số 0000006 ngày 04-5-2019, tổng tiền thanh toán: 39.689.991đ;

Hóa đơn GTGT số 0000008 ngày 07-5-2019, tổng tiền thanh toán:

49.331.898đ;

Hóa đơn GTGT số 0000020 ngày 25-6-2019, tổng tiền thanh toán: 17.375.177đ;

Hóa đơn GTGT số 0000022 ngày 02-7-2019, tổng tiền thanh toán: 71.673.558đ;

Hóa đơn GTGT số 0000030 ngày 02-8-2019, tổng tiền thanh toán: 50.503.028đ.

Tổng số tiền Công ty T phải thanh toán cho Công ty S là: 250.025.942đ. Căn cứ vào bảng kê giao dịch từ ngày 01-01-2019 đến ngày 31-12-2019, Công ty T chỉ mới thanh toán cho Công ty S theo các chi tiết chuyển khoản vào tài khoản của Công ty S như sau:

Ngày 19-6-2019, số tiền thanh toán: 21.452.290 đồng;

Ngày 05-7-2019, số tiền thanh toán: 30.000.000đ;

Ngày17-7-2019, số tiền thanh toán: 30.000.000đ;

Ngày 06-8-2019, số tiền thanh toán: 30.000.000đ;

Ngày 27-8-2019, số tiền thanh toán: 30.000.000đ.

Tổng số tiền Công ty T đã thanh toán cho Công ty S là: 141.452.290đ. Tính đến thời điểm hiện tại Công ty T còn nợ Công ty S số tiền: 250.025.942-141.452.290 = 108.573.652đ.

Công ty S đã nhiều lần liên hệ yêu cầu Công ty T phải thanh toán số tiền còn nợ và số tiền lãi chậm thanh toán nhưng Công ty T vẫn không có thiện chí thanh toán. Nay Công ty S đề nghị Tòa án yêu cầu Công ty T thanh toán cho Công ty S cụ thể như sau:

Số tiền Công ty T chưa thanh toán đủ cho Công ty S theo các Hóa đơn GTGT từ tháng 04-2019 đến hết tháng 08-2019 là: 108.573.652đ. Số tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính từ ngày 02-8-2019 đến ngày 13-01-2022 là: 108.573.652đ x (10%/365 ngày) x 895 ngày = 26.622.854đ. Tổng số tiền gốc và tiền lãi do chậm thanh toán mà T có nghĩa vụ phải trả cho S là: 135.196.506đ.

**** Bị đơn, Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn kiến trúc T trình bày quá trình tham gia tố tụng tại Toà án:***

Vào năm 2019 Công ty T chúng tôi có mua hàng của Công ty S với giá trị: 250.025.942đ và đã thanh toán cho Công ty S số tiền: 158.827.467đ. Trong đó trả 141.452.290đ bằng hình thức chuyển khoản cho công ty S và 17.375.177đ trả bằng hình thức chuyển khoản cho cá nhân ông Nguyễn Văn T5 là thành viên của Công ty S.

Phần còn lại 91.198.475đ do hàng hóa không đạt yêu cầu nên chúng tôi thống nhất trả lại hàng ngày 20-4-2020 và đã xuất hóa đơn hàng trả lại ngày 23-4-2020 số hóa đơn 0001343 số tiền 91.198.476đ, số hàng hóa này đã được

bên phía Công ty S ký nhận đầy đủ.

Nay Công ty S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty T thanh toán số tiền 135.196.506đ; Trong đó tiền gốc 108.573.652đ và tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 02-8-2019 đến ngày 13-01-2022 là 26.622.854đ công ty T không đồng ý.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Đoàn Xuân P trình bày:*** Ông là thành viên Công ty TNHH S. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty T phải thanh toán cho Công ty S số tiền gốc 108.573.652đ và tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định của pháp luật.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn T5 trình bày:***

Căn cứ biên bản họp hội đồng thành viên số 02/2019-BBHĐTV ngày 24-9-2019 của Công ty S với các thành viên. Tất cả các thành viên đã thống nhất theo nội dung ghi biên bản.

Đến ngày 27-9-2019, ông Trần Minh T2 đã cho người lên xưởng chở đi 01 máy phân tán + 01 bồn Inox trị giá 137.637.000đ. Như vậy số công nợ 108.573.625đ của Công ty T đã nằm trong tài sản mà ông T2 đã nhận. Trường hợp ông T2 không đồng ý với biên bản họp hội đồng thành viên ký ngày 24-9-2019 ông yêu cầu ông T2 chở trả lại về xưởng 01 máy phân tán + 01 bồn Inox trị giá 137.637.000đ mà ông đã nhận và tổ chức họp hội đồng thành viên thống nhất lại phân chia tài sản của công ty.

Căn cứ vào biên bản giao trả hàng ngày 20-4-2020 giữa công ty T và ông Nguyễn Văn T5 (thành viên công ty S). Như vậy tính đến ngày 20-4-2020 Công ty T không có nghĩa vụ gì với Công ty S. Đề nghị đại diện Công ty S liên hệ ông Nguyễn Văn T5 để nhận lại số hàng công ty T trả lại và số tiền 17.375.177đ.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Trần Thị Hồng T6, bà Lê Nữ Hồng T7, ông Nguyễn Minh N* không tham gia tố tụng tại Toà án mặc dù đã được cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng*** tại phiên tòa sơ thẩm đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án là đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH S:

- Buộc công ty TNHH Thương Mại và tư vấn Kiến Trúc T thanh toán cho công ty TNHH S số tiền mua hàng hóa là 108.573.652đ.

- Buộc công ty TNHH Thương Mại và tư vấn Kiến Trúc T thanh toán cho công ty TNHH S số tiền chậm trả, kể từ ngày 26-3-2020 với lãi suất 10%/năm trên số tiền gốc là 108.573.652đ là 108.573.652 x 10%/năm x 659 ngày = 19.602.749đ.

- Không chấp nhận số tiền lãi tính từ ngày 02-8-2019 đến ngày 25-3-2020 do công ty TNHH S yêu cầu.

- Các đương sự phải chịu án phí theo pháp luật.

**** Với nội dung vụ án như trên, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã xét xử tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2022/KDTM-ST ngày 13-01-2022 như sau:***

Căn cứ: Các điều 30, 35, 38, 39, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005; Các điều 41, 50, 51, 52, 54, 55, 68 luật Doanh nghiệp năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2013; Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S đối với Công ty TNHH thương mại và tư vấn kiến trúc T về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*.

2. Buộc Công ty TNHH thương mại và tư vấn kiến trúc T phải thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền là 128.176.401đ; Trong đó nợ tiền hàng là 108.573.652đ và tiền lãi là 19.602.749đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận số tiền nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 02-8-2019 đến ngày 25-3-2020 với số tiền là 7.020.105đ.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH thương mại và tư vấn kiến trúc T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 6.408.820đ.

- Công ty TNHH S phải chịu án phí với phần lãi không được chấp nhận là 3.000.000đ nhưng đươc trừ vào số tiền 2.900.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001209 ngày 25-6-2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Vậy Công ty TNHH S còn phải nộp 100.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

**** Đơn kháng cáo:***

Ngày 27-01-2022, Công ty TNHH S có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về quyết định tiền lãi, thời điểm tính lãi phải là ngày 03-8-2019 mới đúng.

Ngày 28-01-2022, Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn kiến trúc T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do ông Nguyễn Văn T5 là thành viên góp vốn của công ty S, ông T5 đứng ra bán hàng cho Công ty T thì có trách nhiệm thu hồi hàng kém chất lượng, có xác nhận đã thu nợ và hàng trả lại của Công ty T nên ông T5 cũng phải chịu trách nhiệm với Công ty T trước pháp luật.

**** Tại phiên tòa phúc thẩm:***

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn*** đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét lại một phần nội dung bản án sơ thẩm và xác định lại thời điểm tính lãi là ngày 03-8-2019 đến khi Toà án xét xử vụ án 28-7-2022 là 1.090 ngày x 108.573.652đ x (10%/365ngày) = 32.423.365đ; tổng số tiền Công ty T phải trả cho Công ty S là 108.573.652đ + 32.423.365đ = 140.997.017đ.

Về yêu cầu kháng cáo của Công ty T là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của Công ty T và chấp nhận quan điểm của Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm.

***Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng*** tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn kiến trúc T; Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2022/KDTM-ST ngày 13-01-2022 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty S, án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Trần Thị Hồng T6, bà Lê Nữ Hồng T7, ông Nguyễn Minh N mặc dù đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đương sự này.

Người đại diện theo uỷ quyền của Công ty TNHH S vắng mặt tại phiên toà nhưng có người đại diện theo pháp luật là ông Trần Minh T2; Chức vụ Chủ tịch HĐTV kiêm Giám đốc có mặt tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo Công ty TNHH S trình bày thì Công ty S đã bán hàng hóa là sơn các loại cho Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn kiến trúc T từ tháng 04 đến tháng 08-2019 theo Hợp đồng mua bán hàng hóa và các bảng kê mua hàng. Công ty S đã xuất các hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty T với tổng số tiền hàng là 250.025.942đ. Từ ngày 01-01-2019 đến ngày 31-12-2019, Công ty T đã thanh toán cho Công ty S là 141.452.290đ; còn nợ 108.573.652đ.

Công ty S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty T thanh toán số tiền hàng còn nợ là 108.573.652đ và tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính từ ngày 02-8-2019 đến ngày 13-01-2022 là: 108.573.652đ x (10%/365 ngày) x 895 ngày = 26.622.854đ; Tổng số tiền gốc và tiền lãi là 135.196.506đ.

[3] Công ty T xác nhận có mua hàng của Công ty S với giá trị 250.025.942đ và đã thanh toán cho Công ty S số tiền 158.827.467đ. Trong đó: Trả 141.452.290đ bằng hình thức chuyển khoản cho Công ty S và 17.375.177đ trả bằng hình thức chuyển khoản cho cá nhân ông Nguyễn Văn T5 là thành viên của Công ty S. Phần còn lại 91.198.475đ do hàng hóa không đạt yêu cầu nên Công ty T đã trả lại hàng vào ngày 20-4-2020, được bên phía Công ty S ký nhận đầy đủ. Do vậy, Công ty T không đồng ý các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã xét xử sơ thẩm tại Bản án kinh doanh thương mại số 02/2022/KDTM-ST ngày 13-01-2022, Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty S đối với Công ty T, không chấp nhận một phần tiền lãi.

Trong thời hạn luật định, Công ty S và Công ty T đều có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm nói trên.

[5] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét nội dung kháng cáo của các bên đương sự thì thấy:

Trong đơn khởi kiện cũng như tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH S – ông Trần Minh T2 cho rằng giữa hai công ty có ký kết hợp đồng mua bán hàng hoá nhưng lại không xuất trình được bản hợp đồng vì quá trình quản lý sổ sách tài chính kế toán đã bị thất lạc. Phía Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn kiến trúc T thì trình bày giữa hai bên không hề có hợp đồng mua bán hàng hoá, mọi giao dịch từ khi chào hàng, thương lượng giá cả, số lượng hàng hoá đều trao đổi bằng điện thoại giữa nhân viên của Công ty T với ông Nguyễn Văn T5 là thành viên của Công ty S. Tuy nhiên, căn cứ các Hoá đơn giá trị gia tăng mà Công ty S đã xuất cho Công ty T và các giao dịch chuyển khoản giữ hai bên thì có đủ cơ sở xác định giữa Công ty S với Công ty T là có quan hệ mua bán hàng hoá là sơn các loại.

[6] Về số tiền hàng chưa thanh toán là 108.573.652đ mà Công ty S khởi kiện yêu cầu Công ty T thanh toán thì Công ty T xác nhận đúng số liệu nhưng cho rằng đã thanh toán xong cho Công ty S thông qua ông Nguyễn Văn T5.

[7] Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, phía Công ty T có Bản tường trình về quá trình mua bán giữa Công ty T với ông Nguyễn Văn T5 từ năm 2018. Đến cuối năm 2018, ông T5 thành lập Công ty TNHH S với lĩnh vực hoạt động là sản xuất và buôn bán sơn với mức vốn góp chiếm 50%. Do vậy, Công ty T tiếp tục mua bán sơn với ông T5 và nhận hoá đơn giá trị gia tăng của Công ty S. Mọi hoạt động mua bán liên quan đến việc mua bán sơn từ khi bắt đầu giao dịch, thương lượng, giao nhận hàng, thanh toán thì Công ty T đều làm việc trực tiếp với ông T5 kể cả việc ông T5 yêu cầu trả tiền hàng 141.452.290đ bằng hình thức chuyển khoản cho Công ty S, trả tiền hàng 17.375.177đ bằng hình thức chuyển khoản cho cá nhân ông T5 và trả hàng hóa không đạt yêu cầu có giá trị 91.198.475đ vào ngày 20-4-2020 cho Công ty S qua ông T5 nhận thay.

[8] Công ty S tại phiên toà phúc thẩm có nộp Điều lệ công ty và Biên bản cuộc họp ngày 11-3-2019. Điều lệ của Công ty S không quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng thành viên công ty nhưng tại Biên bản cuộc họp ngày 11-3-2019 (của các thành viên công ty gồm ông Trần Minh T2, ông Nguyễn Văn T5, ông Đoàn Xuân P) có nội dung:

*"Ông T5 góp vốn bằng tài sản cố định chiếm 50% giá trị cổ phần của Công ty TNHH S; ông T5 cam kết chuyển toàn bộ khách hàng đã mua sản phẩm sơn NIPVA ... và tiếp tục tìm kiếm khách hàng mới cho Công ty S..."*

[9] Như vậy, lời khai của Công ty T về vai trò của ông T5 trong Công ty S như trên là có cơ sở và ông T5 chính là người thực hiện công việc kinh doanh chính cho Công ty S.

[10] Ông Nguyễn Văn T5 từ khi nhận thông báo thụ lý vụ án cho đến trình bày tại phiên toà hôm nay đều khẳng định mọi giao dịch mua bán giữa Công ty S và Công ty T là do ông thực hiện. Việc Công ty T trình bày đã trả tiền hàng 17.375.177đ bằng hình thức chuyển khoản cho cá nhân ông và trả hàng hóa không đạt yêu cầu có giá trị 91.198.475đ vào ngày 20-4-2020 cho ông thì ông T5 đều thừa nhận là đúng. Ông T5 xác định việc ông nhận tiền, hàng này là nhận về cho Công ty S chứ không phải nhận cho cá nhân ông T5 và ông T5 đồng ý trả lại cho Công ty S. Tuy nhiên, ông Trần Minh T2 – Giám đốc Công ty S không đồng ý và vẫn yêu cầu Công ty T thanh toán đủ số tiền nợ 108.573.652đ và lãi phát sinh.

[11] Căn cứ các tài liệu trên và xác nhận của ông Nguyễn Văn T5, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để nhận định Công ty T đã trả đủ số tiền nợ 108.573.652đ cho Công ty S thông qua ông Nguyễn Văn T5 là thành viên công ty. Kể cả khi Công ty S phát hành văn bản yêu cầu Công ty T thanh toán nợ nhưng Công ty T vẫn thanh toán qua ông T5 là phù hợp với thực tế quá trình giao dịch giữa các bên và chức năng nhiệm vụ của ông T5 trong Công ty S. Do vậy, Công ty S khởi kiện yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc và lãi phát sinh đối với Công ty T là không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về nguyên tắc, ông Nguyễn Văn T5 - là thành viên góp vốn đồng thời là nhân viên kinh doanh của Công ty S phải có nghĩa vụ bàn giao số tiền hàng thu được từ khách hàng cho Công ty. Tuy nhiên, trong vụ án này Công ty S

không yêu cầu ông T5 thực hiện nghĩa vụ mà khởi kiện đối với khách hàng. Vì vậy, để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của mình, Công ty S có quyền khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn T5 về số tiền này theo quy định của pháp luật.

[13] Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH S; chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn kiến trúc T; Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Đương sự không được chấp nhận Đơn khởi kiện phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với giá trị tranh chấp và không được chấp nhận Đơn kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

[14] Các đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa hôm nay là phù hợp các tình tiết khách quan của vụ án và quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 148, Điều 293, Khoản 3 Điều 296, Khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 24, 50, 55, 306, 317, 319 Luật Thương mại; Các Điều 47, 50, 51 Luật Doanh nghiệp;

- Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH S;

Chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn kiến trúc T;

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2022/KDTM-ST ngày 13-01-2022 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S đối với Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn kiến trúc T về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" với số tiền là 135.196.506đ (một trăm ba mươi lăm triệu, một trăm chín mươi sáu nghìn, năm trăm lẻ sáu đồng); Trong đó nợ tiền hàng là 108.573.652đ và tiền lãi là 26.622.854đ.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH S phải chịu án phí là 6.760.000đ (sáu triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 2.900.000đ (hai triệu, chín trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu 0001209 ngày 25-6-2020

của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Công ty TNHH S còn phải nộp 3.860.000đ (ba triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

II. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

1. Công ty TNHH S phải chịu là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001729 ngày 15-02-2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (đã nộp đủ).

2. Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn kiến trúc T không phải chịu; hoàn trả lại cho công ty số tiền tạm ứng án phí 2.000.000đ (Hai triệu đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0001727 ngày 14-02-2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (đã nộp đủ).

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T5 thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND Q.Cẩm Lệ, TPĐN;
- Chi cục THADS Q.Cẩm Lệ, TPĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Trần Thị Thanh Mai**